CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Năng lượng và Bất động sản Trường Thành

Ngày 30/09/2025	6,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	10.7%	**6.5%**	**4.7%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	4,900 - 8,750
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	809
Số lượng CPLH (CP)	120,806,562
KLGD BQ 20 phiên (CP)	214,245
Sở hữu nước ngoài	5.2%
Beta	0.92
EPS	90
P/E	74.1

DT thuần
Q3/25
15.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.30| 2.3%
YoY: ▼97.9| -86.6%

LN thuần
Q3/25
5.38
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.28| 389%
YoY: ▲ 2.20| 69.1%

LN sau thuế
Q3/25
4.05
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.37| 141%
YoY: ▲ 2.57| 174%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
40.8%
YoY: +/-▲ 14.2%

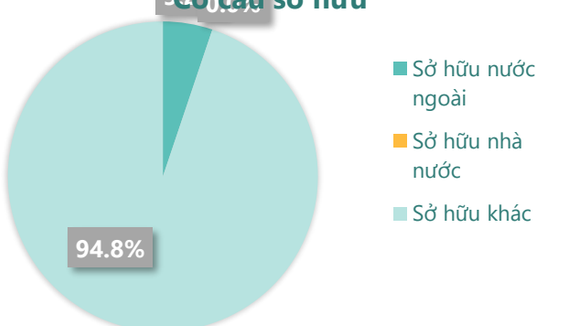
ROE (TTM)
Q3/25
0.7%
YoY: +/-▲ 0.1%

DT thuần
9T 2025
40.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼250| -86.2%

LN thuần
9T 2025
7.57
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.73| -33.1%

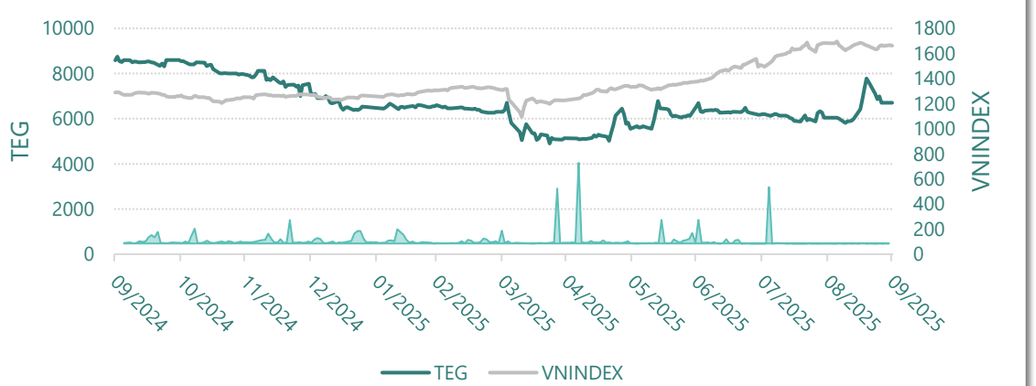
LN sau thuế
9T 2025
9.92
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.65| 133%

Cơ cấu sở hữu

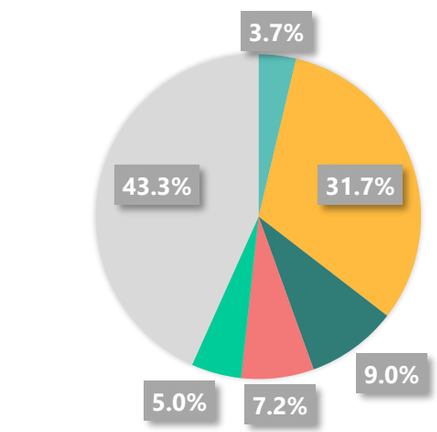


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

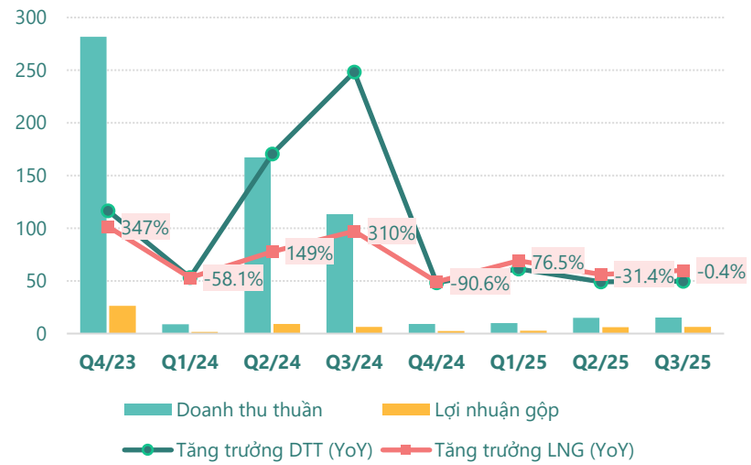


- Nguyễn Tùng Lâm
- CTCP Tập đoàn Trường Thành Việt Nam
- CTCP Đầu tư Mernus
- Nguyễn Thị Thanh Hà
- Sermsang Power Corporation Public Company Ltd
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

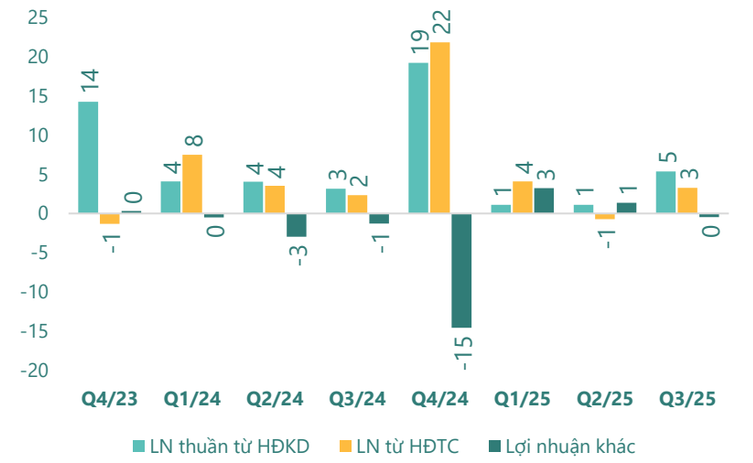
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



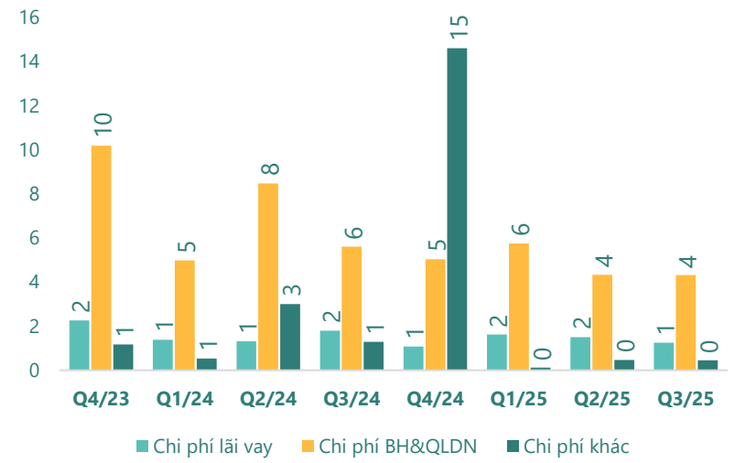
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



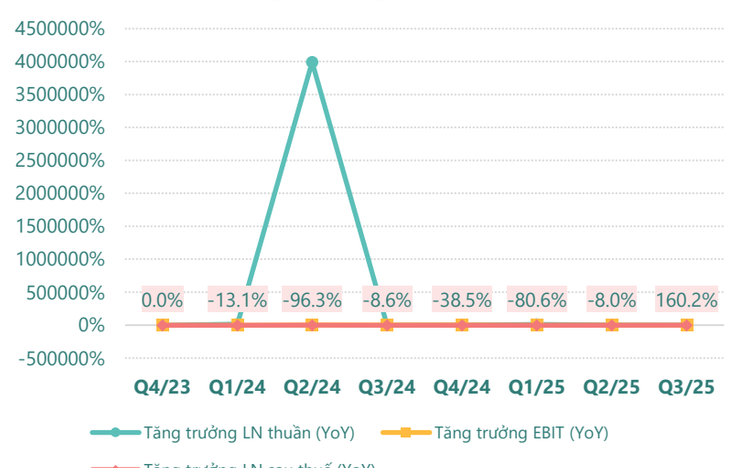
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



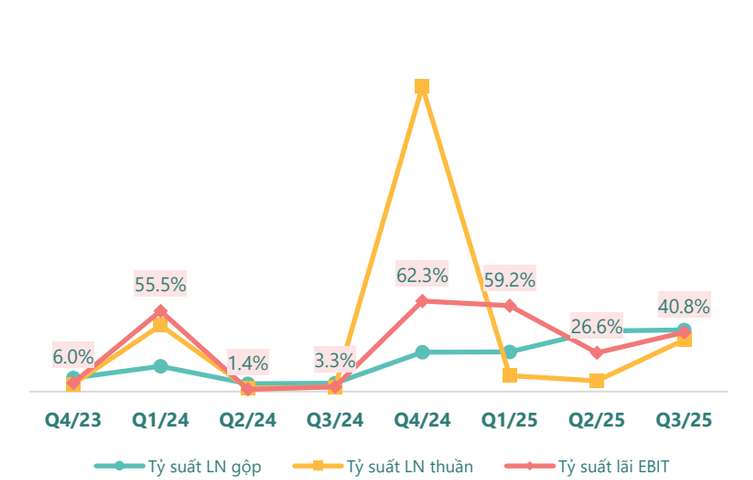
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

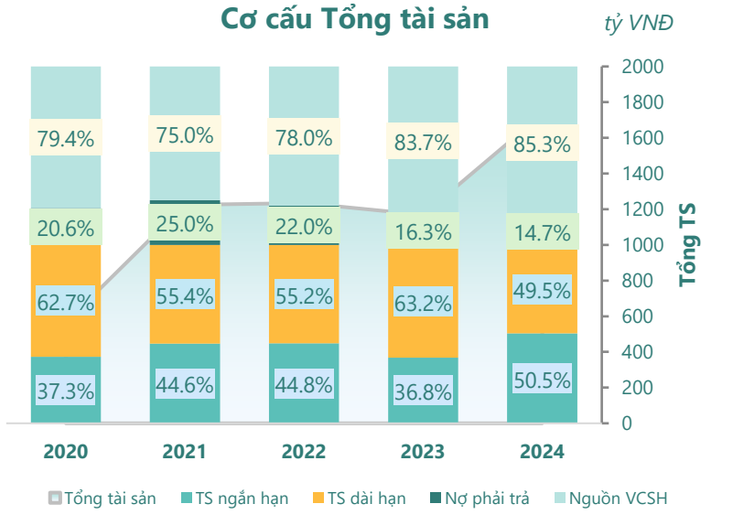
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

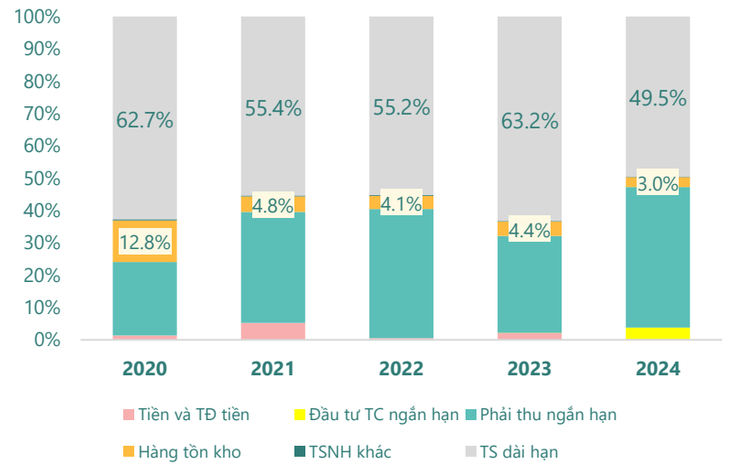
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



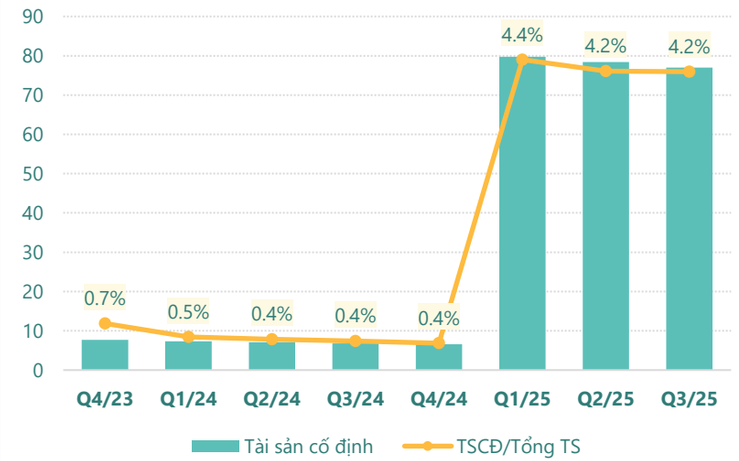
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



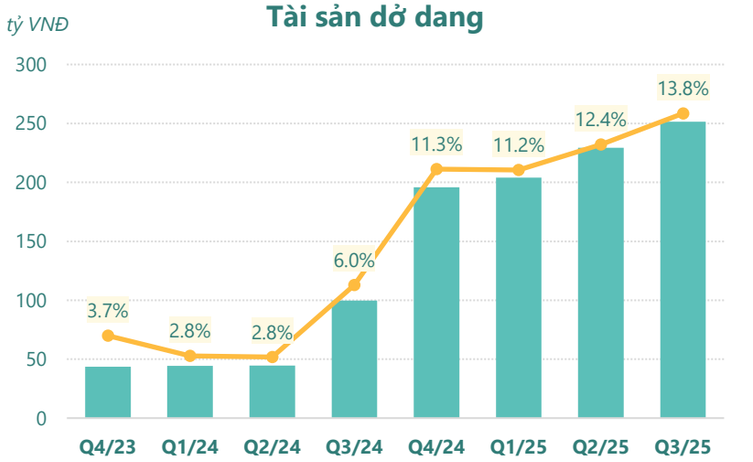
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



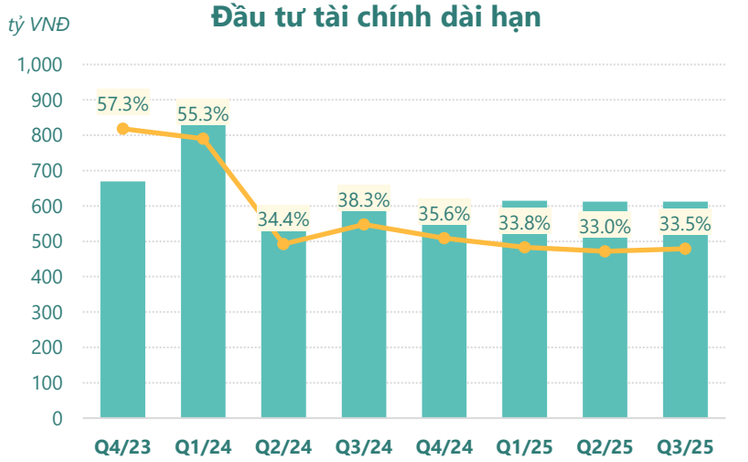
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



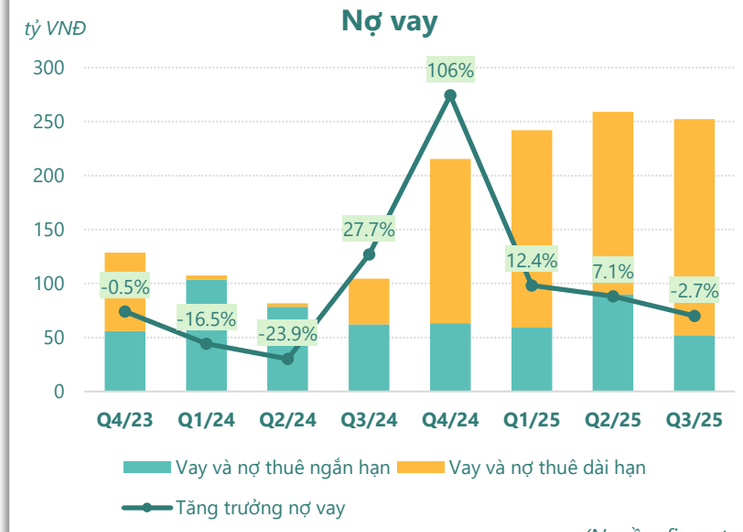
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

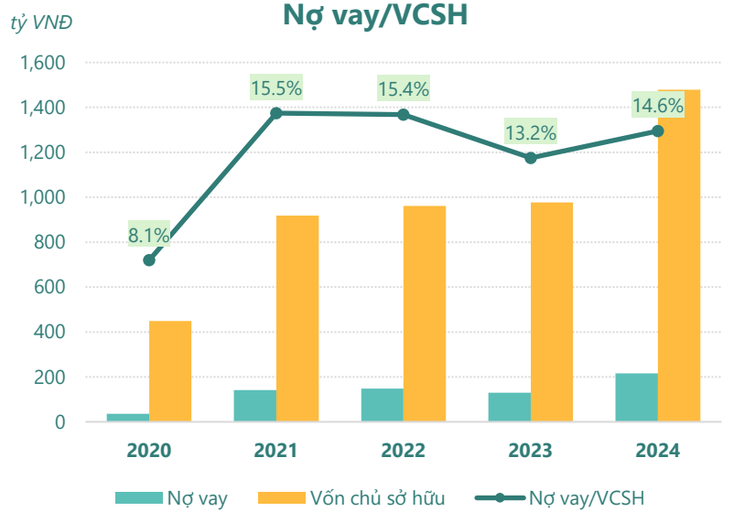
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

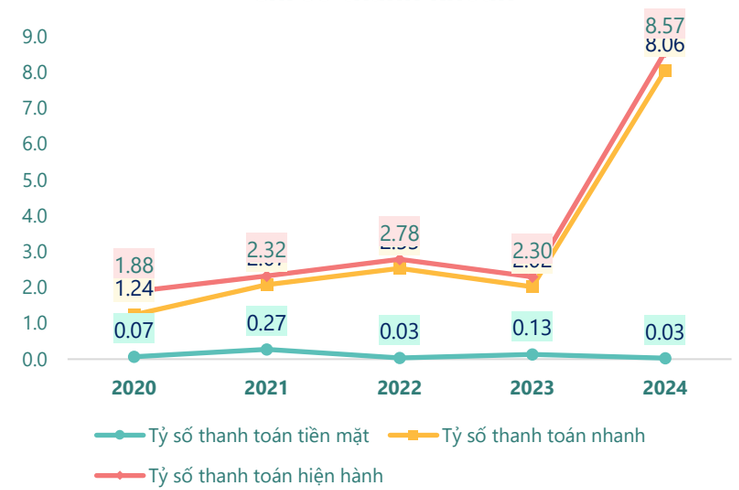
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



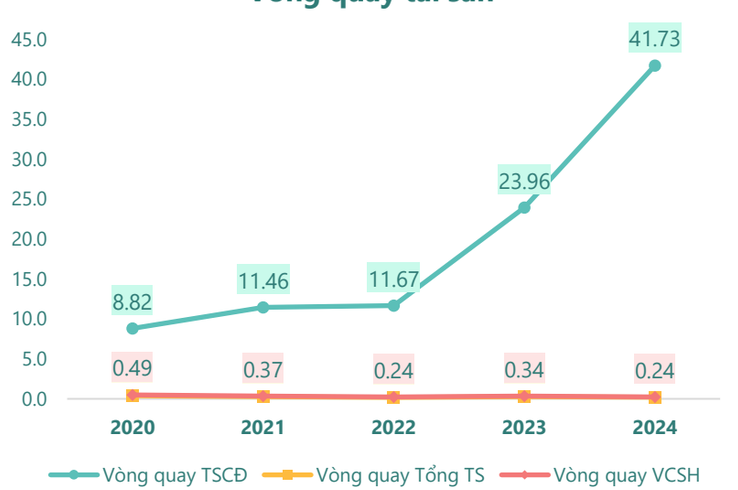
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



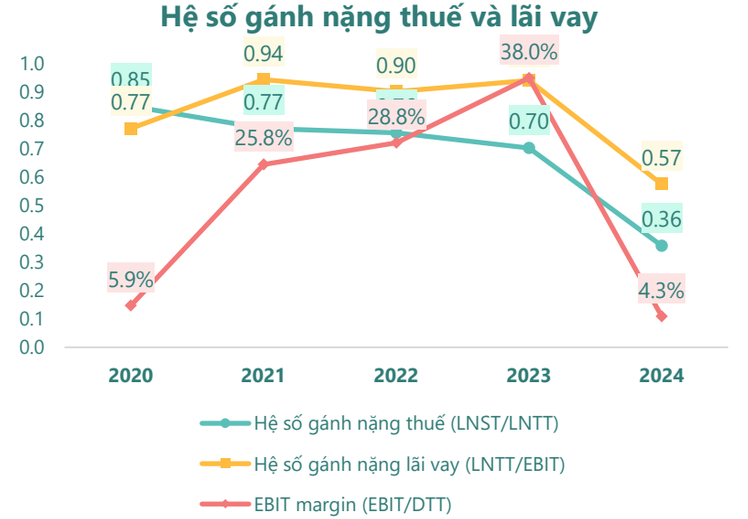
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



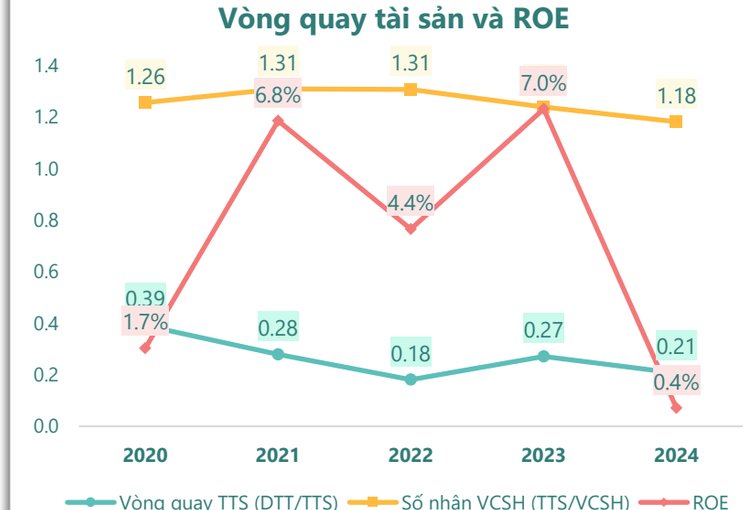
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



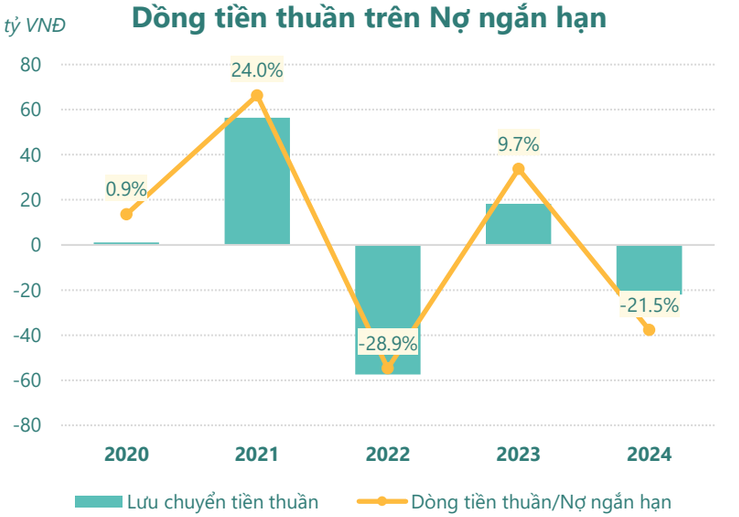
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**15.1**	**113**	**-86.6%**	**40.0**	**290**	**-86.2%**
Giá vốn hàng bán	8.71	107	-91.9%	24.7	273	-90.9%
Lợi nhuận gộp	6.43	6.46	-0.4%	15.4	17.0	-9.8%
Doanh thu HĐTC	4.52	4.07	11.0%	14.7	20.2	-27.2%
Chi phí TC	1.25	1.75	-28.4%	8.04	6.81	18.0%
Chi phí lãi vay	1.25	1.80	-30.4%	4.37	4.50	-2.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**-0.04**	**0.00**	**-662%**
Chi phí bán hàng	0.15	0.00		0.15	0	
Chi phí QLDN	**4.18**	**5.61**	**-25.5%**	**14.3**	**19.1**	**-25.3%**
LN thuần từ HĐKD	5.38	3.18	69.1%	7.57	11.3	-33.1%
Lợi nhuận khác	**-0.45**	**-1.29**	**65.3%**	**4.14**	**-4.74**	**187%**
LN trước thuế	4.93	1.89	161%	11.7	6.58	78.1%
Lợi nhuận sau thuế	**4.05**	**1.48**	**174%**	**9.92**	**4.27**	**133%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.44**	**1.55**	**122%**	**7.21**	**4.31**	**67.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	190	101	-67.3	544	-527	78.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-144	-144	-44.0	-568	538	-93.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-27.5	22.6	111	24.8	-8.49	21.7
Tiền đầu kỳ	4.27	23.3	3.23	2.94	3.56	5.69
Lưu chuyển tiền thuần	**19.0**	**-20.1**	**-0.29**	**0.61**	**2.13**	**7.14**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	23.3	3.23	2.94	3.56	5.69	12.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,824**	**1,733**	**5.2%**
Tài sản ngắn hạn	846	875	-3.3%
Tiền và tương đương tiền	12.8	2.94	336%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	47.1	62.7	-24.8%
Phải thu ngắn hạn	722	754	-4.2%
Hàng tồn kho	52.9	52.7	0.5%
Tài sản ngắn hạn khác	11.2	3.19	252%
Tài sản dài hạn	**978**	**858**	**14.0%**
Phải thu dài hạn	30.4	30.0	1.3%
Tài sản cố định	77.0	6.60	1066%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	251	196	28.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	612	614	-0.4%
Tài sản dài hạn khác	**1.19**	**1.60**	**-26.0%**
Lợi thế thương mại	5.87	9.61	-38.9%
Nợ phải trả	292	255	14.5%
Nợ ngắn hạn	**91.1**	**102**	**-10.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	52.0	63.4	-17.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.49	8.03	-6.6%
Nợ dài hạn	201	153	31.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	200	152	31.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,532**	**1,478**	**3.7%**
Vốn chủ sở hữu	**1,532**	**1,478**	**3.7%**
Vốn điều lệ	1,208	1,208	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)